

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 550/2025/DS-ST

Ngày: 30/6/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thịnh

2. Bà Trần Thị Ngọc Lước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1288/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2025/QĐXXST-DS ngày 13/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2025/QĐST-DS ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1994
- Nhân viên Ngân hàng TMCP S – Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền số 2630/2024/UQ- TTX.LN ngày 23.12.2024 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I D, Phường A, quận P, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/9/2024 của Ngân hàng TMCP S và các lời khai tiếp sau đó, ông Nguyễn Hoàng Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/08/2023, ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
VS payWave Cre Platinum Cashback	436438 - 7236	50.000.000	08/08/2023	2.482%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Q1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.985.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Q1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Q1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 749.925 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

(Diễn giải: tổng số tiền KH thanh toán 749.925 đồng sẽ được trừ vào phần thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch. Cụ thể:

1. Tổng tiền lãi trong hạn: 6.468.644 đồng
2. Phí trễ hạn: 1.653.361 đồng
3. Phí vượt hạn mức: 400.268 đồng
4. Phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,...): 698.000 đồng;
5. Giao dịch: 49.985.000 đồng

Sau khi trừ thì dư nợ còn thiếu khi chuyển quá hạn là 58.455.348 đồng) (Cụ thể: 749.925 đồng – 6.468.644 đồng – 1.653.361 đồng – 400.268 đồng – 698.000 đồng – 49.985.000 đồng = 58.455.348 đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 58.455.348 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông Q1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Q1 trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 30/06/2025 là **97.773.654 đồng**. Cụ thể là:

DVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
VS payWave Cre Platinum Cashback	436438 - 7236	58.455.348	39,318,306	3.723 (2.482% x 150 %)

Số tiền lãi được tính trên số nợ gốc là: 58.455.348 đồng với lãi suất (2.482% x 150 %) tháng từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 06/01/2024) cho đến hiện tại, cụ thể:

Lãi quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày x Số ngày nợ quá hạn

Trong đó:

- Số tiền lãi quá hạn 1 ngày = $(58.455.348 \times 2.482\% \times 150\%) / 30 = 72.543$ đồng;
- Số ngày nợ quá hạn: 542 ngày (Từ ngày 06/01/2024 đến ngày 30/06/2025);
- Lãi quá hạn = $72.543 \text{ đồng} \times 542 = 39.318.306$ đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Q1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Q1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do ông Q1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc ông Q1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay còn thiếu tạm tính đến ngày 30/6/2025 là 97.773.654 đồng (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm năm mươi tư đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), trong đó, nợ gốc: 58.455.348 đồng, L quá hạn: 39.318.306 đồng.

Ông Q1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/7/2025 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đại diện nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của ông Q1 trong hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q1 vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng ông Q1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng TMCP S và ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 có xác lập quan hệ hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/6/2025, bị đơn còn thiếu lại Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là **97.773.654 đồng** (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 58.455.348 đồng
- Lãi quá hạn : 39.318.306 đồng

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như nêu trên; Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, không có lời khai hoặc yêu cầu của ông Q1 trong hồ sơ vụ án. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau: thông báo thụ lý, các giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các giấy triệu tập tham dự phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Q1 mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét đề nghị của Ngân hàng TMCP S về việc không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì không liên quan đến việc vay mượn giữa ông Q1 và Ngân hàng. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông Q1 là người trực tiếp ký hợp đồng vay phải có trách nhiệm trả nợ là tự nguyện và không trái pháp luật. Quá trình giải quyết ông Q1 không có ý kiến về vấn đề này nên chấp nhận đề nghị của Ngân hàng TMCP S.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 30/6/2025 cho Ngân hàng TMCP S số tiền là **97.773.654 đồng** (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng) trong đó: Nợ gốc: 58.455.348 đồng và lãi quá hạn : 39.318.306 đồng.

Đồng thời, yêu cầu ông Q1 còn có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày 01/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày

08/8/2023; số thẻ: 436438-7236 có chữ ký của đại diện Ngân hàng TMCP S và ông Q1 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); Bị đơn – ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai, yêu cầu của ông Q1 đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Do đó, Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/8/2023 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng TMCP S và ông Q1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Ngân hàng TMCP S đã phát hành thẻ tín dụng JCB; Số thẻ tín dụng: 436438 - 7236, loại thẻ: V; hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) hình thức đảm bảo là tín chấp cho ông Q1. Việc cấp thẻ được thực hiện theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Quá trình sử dụng thẻ đến nay, ông Q1 còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2025 là **97.773.654 đồng** (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng) trong đó: Nợ gốc: 58.455.348 đồng và lãi quá hạn: 39.318.306 đồng

Mặc dù, Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông Q1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 30/6/2025 là **97.773.654 đồng** (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng) trong đó: Nợ gốc: 58.455.348 đồng và lãi quá hạn: 39.318.306 đồng)

Đồng thời, ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 còn có trách nhiệm trả lãi phát sinh từ ngày 01/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí DSST: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 phải nộp án phí DSST trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền án phí là 4.888.683 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.884.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0055053 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 30/6/2025 là **97.773.654 đồng** (Chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng) trong đó: Nợ gốc: 58.455.348 đồng; Lãi quá hạn: 39.318.306 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 8/8/2023 và Bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S và các văn bản khác ông Q1 ký với Ngân hàng TMCP S về sử dụng thẻ tín dụng.

Kể từ ngày 01/7/2025 trở đi, ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí DSST: Ông Huỳnh Ngọc Bảo Q1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.888.683 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.884.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số 0055053 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo